TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-6-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.
2. Ông Phan Công Minh.
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Lan Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 799/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Tú T, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký thường trú: E2/058, Tổ 3, ấp Nam Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố Trảng Cát, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ H, Ấp E, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Tú T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc V tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 16/5/2016. Trong thời gian chung sống, chị và anh V sống không hạnh phúc do anh V có quan hệ tình cảm với người khác trong thời gian dài, chị đã nhiều lần khuyên anh V

từ bỏ nhưng anh V không thay đổi. Đến tháng 6/2023, chị dọn ra ngoài thuê trọ sinh sống và sống ly thân anh V cho đến nay. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 27/4/2013 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang buôn bán, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn anh Lê Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Tú T đối với bị đơn anh Lê Ngọc V, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh V; Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 27/4/2013 hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Xét con chung đang do chị T nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng sống với chị T, đề nghị xử giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Tú T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Ngọc V, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Ngọc V, sinh năm 1986, đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ H, ấp E, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị Tú T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Lê Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng

vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tú T và anh Lê Ngọc V tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2016, ngày 16/5/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị T cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc do anh V có quan hệ tình cảm với người khác, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh V không thay đổi, chị đã dọn ra ngoài thuê trọ sinh sống và ly thân anh V từ tháng 6/2023 cho đến nay. Đối với bị đơn anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị T và anh V đến Tòa án để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh V không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Qua đó, cho thấy anh V đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh V, xử cho chị T ly hôn anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung tên con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 27/4/2013.

Xét thấy, cháu N vẫn đang do chị T nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng tiếp tục sống với chị T. Đối với chị T có việc làm và thu nhập ổn định. Đối với anh V đã được Tòa án triệu tập để ghi nhận ý kiến về con chung nhưng anh V không có mặt, không cung cấp ý kiến cho thấy anh V không có trách nhiệm với con, không mong muốn nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu N cho chị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã triệu tập cho anh V đến Tòa án giải quyết nhưng anh V vắng mặt không có ý kiến trình bày, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị Tú T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Ngọc V nên chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Tú T đối với bị đơn anh Lê Ngọc V về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho chị Bùi Thị Tú T ly hôn anh Lê Ngọc V.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khánh N, sinh ngày 27/4/2013.

Xử giao cháu Lê Khánh N, sinh ngày 27/4/2013 cho chị Bùi Thị Tú T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị T, anh V vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001375 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị T đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Tú T, anh Lê Ngọc V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã Phước Bình (huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng